

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lưu Văn Thiệm

2. Bà Bùi Thị Minh Hoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa:*** Ông  
Nguyễn Đình Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 387/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa:

***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị H, sinh năm 1984

HKTT và trú tại: phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982

HKTT: phường Y, quận C, Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 50, Trại giam P 4, huyện P, tỉnh T. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*Tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày như sau:***

Về tình cảm: Tôi và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn ngày 13/1/2005, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Đến ngày 24/10/2019 anh Nguyễn Ngọc T bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạt 18 năm tù về tội mua bán trái phép ma túy, hiện anh T đang chấp hành án tại đội 50 Trại giam P 4, huyện P, tỉnh T. Nay tôi xác định tình cảm giữa tôi với anh T không còn, nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

Về con chung: Tôi và anh T có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn Ngọc Châu A sinh ngày 05/6/2008 và cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 21/11/2010. Khi ly hôn nguyện

vọng của tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung, tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng vì hiện nay anh T đang chấp hành án.

Về tài sản chung: Tôi và anh Nguyễn Ngọc T không có tài sản chung, khi ly hôn, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Tôi và anh Nguyễn Ngọc T không cho ai vay nợ, không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

**\* *Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:***

Về tình cảm: Tôi và chị Lê Thị H kết hôn là tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 13/1/2005 tại UBND phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Sau thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2018 do bất đồng về lối sống, quan điểm, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Nay tôi đang phải chấp hành hình phạt tù với thời hạn dài, chị H xin ly hôn, tôi đồng ý.

Về con chung: Tôi và chị Lê Thị H có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn Ngọc Châu A sinh ngày 05/6/2008 và cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 21/11/2010. Vì tôi đang chấp hành án tại trại giam nên tôi đồng ý Tòa án giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì tôi đang chấp hành án nên đề nghị Tòa án tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của con chung.

Về tài sản chung: Tôi và chị Lê Thị H không có tài sản chung, khi ly hôn, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Tôi và chị Lê Thị H không cho ai vay nợ, không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tôi đang phải chấp hành hình phạt tù không thể tham dự phiên tòa nên Tôi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Tại phiên tòa:** Chị H vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, khi ly hôn chị xin nuôi cả hai cháu không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ không có, chị H không yêu cầu giải quyết.

**\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa có ý kiến như sau:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy thụ lý đơn ly hôn của chị Lê Thị H là đúng thẩm quyền; Thẩm phán, thư ký đã thực hiện theo đúng quy định tại điều 195, 197 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, các đương sự đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; Quá trình giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về nội dung: Anh T, tự nguyện kết hôn với chị H, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã trầm trọng, nay chị H xin ly hôn, anh T đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị

Lê Thị H về việc yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Ngọc T Giao 02 con chung cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Ngọc T Về tài sản chung, khoản nợ chung không xét. Về án phí chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thụ lý vụ án.

Anh Nguyễn Ngọc T đang chấp hành án phạt tù nên không thể tham gia hòa giải được. Căn cứ khoản 2 điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Anh Nguyễn Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H Hội đồng xét xử thấy:

Chị Lê Thị H tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Ngọc T ngày 13/01/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị H và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc dù anh chị đã cố gắng, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn xin ly hôn.

Anh Nguyễn Ngọc T thấy tình cảm vợ chồng đã có mâu thuẫn, nay anh lại đang phải chấp hành hình phạt thời gian dài, nên anh đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào ý kiến của anh T, chị H thể hiện hai bên không còn mong muốn tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

[3] Về con chung: Xác nhận chị Lê Thị H và anh Nguyễn Ngọc T có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn Ngọc Châu A sinh ngày 05/6/2008 và cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 21/11/2010. Hiện cháu đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T hiện đang chấp hành án phạt tù, không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên xét thấy cần giao hai cháu Châu A và cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Ngọc T xác nhận không có, khi ly hôn cả hai bên cùng không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

[5] Về nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Ngọc T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu toàn bộ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Áp dụng: khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147; 203; điều 207; khoản 1 điều 228; điều 235; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Nguyễn Ngọc T. Chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

Kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhân đăng ký kết hôn số 07 ngày 13/10/2005 của UBND phường Y, quận C không còn giá trị,

*Về con chung:* Xác định chị Lê Thị H và anh Nguyễn Ngọc T có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn Ngọc Châu A sinh ngày 05/6/2008 và cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 21/11/2010. Khi ly hôn, giao cả hai con chung cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Ngọc T cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, chị Hà và những người thân trong gia đình chị H không ai được cản trở.

*Về tài sản chung và khoản nợ chung:* Anh T và chị H không có tài sản chung, nợ chung không có, khi ly hôn anh chị không yêu cầu nên Tòa án không xét.

*Về án phí:* Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2020/0018615 ngày 21/7/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

*Về quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

### Nơi nhân:

- Các đương sự.
- VKSND Cầu Giấy.
- THÁDS Cầu Giấy.
- UBND phường Y.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Lương**